TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TAM NÔNG** **TỈNH ĐỒNG THÁP**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

Số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 30/7/2020.
"V/v xin ly hôn và nuôi con"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TAM NÔNG- TỈNH ĐỒNG THÁP

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - chủ toạ phiên toà: Ông Lê Hoàng Vũ.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Thanh Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Ánh Gương.

Thư ký phiên toà: Ông Lê Trần Minh Châu - Thư ký Toà án nhân dân huyện Tam Nông.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tam Nông tham gia phiên toà: Bà Hồ Thị Thuần – Kiểm sát viên.

Vào ngày 30 tháng 7 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tam Nông, mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2020/TLST- HNGĐ ngày 31 tháng 01 năm 2020, về việc tranh chấp "Xin ly hôn và tranh chấp nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 30/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 26 tháng 6 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2020/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2020, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thị Hòai T, sinh năm 1984.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

- *Bị đơn:* Ông Trần Hoàng H, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Khóm A, thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 31/12/2019; biên bản hòa giải ngày 05/3/2020 và tại phiên toà bà Trần Thị Hoài T trình bày: Bà và ông Trần Hoàng H tìm hiểu và kết hôn với nhau năm 2004, vợ chồng có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp (theo giấy chứng nhận kết hôn số: 34 ngày 17/5/2004), thời gian đầu sống rất hạnh phúc và có 01 con chung tên Trần Thị Xuân Y, sinh ngày 16/6/2005. Đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên xảy cự cãi ra do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, bà và ông H đã ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay, từ khi ly thân, con chung do bà nuôi dưỡng.

Nay bà thấy tình cảm giữa bà và ông H không còn, không thể nào hàn gắn, chung sống lại được với nhau nên yêu cầu được ly hôn với ông Trần Hoàng H.

- Về con chung: Có 01 con chung tên Trần Thị Xuân Y, sinh ngày 16/6/2005 hiện đang sống với bà, khi ly hôn bà yêu cầu được nuôi con chung, không yêu cầu ông H cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nợ ai và cũng không có ai nợ lại vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án tiến hành niêm yết thông báo thụ lý, thông báo công khai chứng cứ và hòa giải cho ông H đúng theo quy định, nhưng ông H vắng mặt và cũng không có ý kiến hay yêu cầu gì đối với vụ án trên.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của mình như sau:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án cho đến khi xét xử, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng đều chấp hành đúng theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiểm sát không có ý kiến, kiến nghị gì thêm về phần tố tụng.

Về đường lối giải quyết vụ án: Áp dụng Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà T đối với ông H.

Về con chung: Đề nghị giao con chung của bà T với ông H tên Trần Thị Xuân Y, sinh ngày 16/6/2005 cho bà T tiếp tục nuôi dưỡng, ông H không cấp dưỡng nuôi con do bà T không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Trần Thị Hoài T và ông Trần Hoàng H là hoàn toàn tự nguyện và thực tế đã xảy ra, ông bà có đăng ký kết hôn theo quy định, nhưng trong quá trình chung sống, vợ chồng ông bà thường xuyên phát sinh mâu thuẫn, cự cãi nhau, dẫn đến bà và ông H ly thân với nhau từ năm 2016 cho đến nay. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án có tiến hành hòa giải, động viên cho vợ chồng bà hàn gắn, chung sống lại với nhau, nhưng ông H không có mặt theo thông báo của Tòa án. Chứng tỏ rằng, không quan tâm gì đến hôn nhân của ông, ông cũng không muốn hàn gắn, chung sống lại với nhau. Xét thấy, đời sống chung của ông, bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nghĩ nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T đối với ông H là hoàn toàn phù hợp và đúng theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[2] Về con chung: Trong thời gian chung sống, bà T và ông H có sinh được 01 con chung tên Trần Thị Xuân Y, sinh ngày 16/6/2005, hiện nay đang sống với bà T. Tại phiên tòa, bà T yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, bà không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy: Từ khi bà T và

ông H ly thân cho đến nay, con chung của bà T với ông H do bà T nuôi dưỡng, trong quá trình nuôi dưỡng, bà T vẫn đảm bảo cho cháu Y có cuộc sống ổn định, phát triển tốt. Mặc khác, tại đơn yêu cầu ngày 31/01/2020 cháu Y cũng có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với bà T, nghĩ nên tiếp tục giao cháu Y cho bà T nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Bà T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ông H được quyền đến thăm nom và chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

[3] Về tài sản chung và nợ chung: Trong quá trình thu thập chứng cứ và tại phiên tòa, bà T trình bày bà và ông H không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết đối với tài sản chung và nợ chung của bà T và ông H trong vụ án này, là phù hợp và có căn cứ chấp nhận.

Tại phiên tòa, ông H vắng mặt lần thứ 2 không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông H là phù hợp và đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa, phù hợp với các chứng cứ đã được thu thập trong hồ sơ và diễn biến tại phiên tòa, phù hợp với các quy định của pháp luật, nghĩ nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 56 và Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147; điểm b khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án tuyên xử:

1/ Về hôn nhân:

Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trần Thị Hoài T đối với ông Trần Hoàng H theo giấy chứng nhận kết hôn số 34 ngày 17/5/2004, của Ủy ban nhân dân thị trấn T, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Cho bà Trần Thị Hoài T và ông Trần Hoàng H được ly hôn với nhau.

2/ Về con chung:

Tiếp tục giao con chung của bà Trần Thị Hoài T với ông Trần Hoàng H tên Trần Thị Xuân Y, sinh ngày 16/6/2005, cho bà T nuôi dưỡng.

Ông Trần Hoàng H không cấp dưỡng nuôi con, do bà T không yêu cầu.

Ông Trần Hoàng H được quyền đến thăm nom, chăm sóc con chung, không ai có quyền ngăn cản.

3/ Về án phí: Bà Trần Thị Hoài T phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà bà T đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0005854 ngày 31/01/2020, tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tam Nông.

Báo cho nguyên đơn biết, có quyền kháng cáo lên Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án hôm nay. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Phòng GĐKT Toà án Tỉnh;
- VKSND huyện Tam Nông;
- Chi cục THADS huyện Tam Nông;
- UBND thị trấn T;
- Các đương vụ trong vụ án;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Lê Hoàng Vũ